

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I – LỚP 8
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2024-2025

I. TỪ VỰNG (Thời tiết, mùa, phương hướng, địa điểm, sự di chuyển, phương tiện giao thông)

계절	Mùa	이쪽	Phía này
봄	Mùa xuân	저쪽	Phía kia
여름	Mùa hè	그쪽	Phía đó
가을	Mùa thu	왼쪽	Bên trái
겨울	Mùa đông	오른쪽	Bên phải
건기	Mùa khô	올라가다	Đi lên
우기	Mùa mưa	내려가다	Đi xuống
따뜻하다	Ấm áp	건너가다	Đi băng qua
덥다	Nóng	쭉 가다	Đi thẳng
시원하다	Mát mẻ	컴퓨터실	Phòng máy tính
춥다	Lạnh	도서실	Phòng đọc sách
비가 오다	Trời mưa	우체국	Bưu điện
눈이 오다	Tuyết rơi	나오다	Xuất hiện
사무실	Văn phòng	그러면	Nếu vậy thì
층	Tầng	어느	Nào
화장실	Nhà vệ sinh	택시	Taxi
에서...까지	Từ... đến	기차	Tàu hỏa
배	Thuyền, tàu	비행기	Máy bay
버스	Xe buýt	지하철	Tàu điện ngầm
자전거	Xe đạp	자동차	Ô tô
정류장	Điểm dừng đỗ	어떻게	Như thế nào
걸어가다/걸어오다	Đi bộ	근처	Gần
돌아가다/돌아오다	Đi về	가끔	Thỉnh thoảng
타고 가다/타고 오다	Đi bằng	그래서	Vì vậy

II. NGỮ PHÁP

1.

ㅂ니다/습니다 – Đuôi kết thúc câu trần thuật, thể hiện sự trang trọng, lịch sự

ㅂ니까? 습니까? – Đuôi kết thúc câu nghi vấn, thể hiện sự trang trọng, lịch sự

- A/V có phụ âm cuối thì kết hợp với **습니다, 습니까?**
- A/V không có phụ âm cuối thì kết hợp với **ㅂ니다, ㅂ니까?**

Ví dụ :

A: 책을 읽습니까?

B: 네, 책을 읽습니다.

2.

(으)로 (1): Là tiểu từ gắn sau danh từ chỉ địa điểm để biểu thị phương hướng. Nghĩa tương đương trong tiếng Việt là “**về phía**”. Trong trường hợp này **(으)로** thường kết hợp với các động từ chỉ sự di chuyển như “가다, 오다, 올라가다, 들어가다, 나가다,...”

- N có phụ âm cuối (**trừ phụ âm ㅁ**) thì kết hợp với **으로**
- N không có phụ âm cuối hoặc **phụ âm cuối là ㅁ** thì kết hợp với **로**

Ví dụ

- 왼쪽으로 가세요
- 밖으로 가세요
- 위로 올라가세요

3.

(으)로 (2): Là tiểu từ được gắn sau danh từ chỉ phương tiện. Nghĩa tương đương trong tiếng Việt là “**bằng**”. Trường hợp **(으)로** được gắn sau danh từ chỉ phương tiện giao thông và kết hợp với các động từ “가다, 오다...” thì diễn tả ý nghĩa di chuyển bằng phương tiện nào đó.

- N có phụ âm cuối thì kết hợp với **으로**
- N không có phụ âm cuối hoặc **phụ âm cuối là ㅁ** thì kết hợp với **로**

Ví dụ

- 세움으로 학교에 가요
- 자전거로 공원에 가요
- 어제 택시로 집에 돌아왔어요.

Các dạng bài tập

[1-5] Xem tranh chọn đáp án đúng.

1.



A. 기차

B. 비행기

C. 버스

D. 자동차

2.



A. 봄

B. 여름

C. 가을

D. 겨울

3.



A. 비가 오다

B. 시원하다

C. 따뜻하다

D. 덥다

4.



A. 도서관

B. 이쪽

C. 우체국

D. 컴퓨터실

5.



A. 비행기

B. 세움

C. 배

D. 자전거

[6-10] Chọn đáp án phù hợp vào chỗ trống.

6.

A: 학생입니까?

A. 네. 학생입니다

B. 아니요. 학생입니다

B:

C. 네. 선생님입니다

D. 아니요. 학생입니까?

7.

A: 어디에 갑니까?

A. 네. 갑니다

B. 학교에 갑니다

B:

C. 책을 읽습니다

D. 밥을 먹습니다

8.

A: 겨울에 눈이 옵니까?

A. 네. 따뜻해요

B. 네. 덥습니다

B:.....

C. 네. 시원합니다

D. 네. 눈이 많이 옵니다

9.

A: 식당에 어떻게 가요?

A. 버스로 가요

B. 식당에서 밥을 먹어요

B:

C. 가게에 가요

D. 이쪽에 있어요

10.

A: 어느 계절을 좋아해요?

A. 비가 많이 와요

B. 여름을 좋아해요

B:

C. 눈이 많이 와요

D. 더워요

[11-15] Chọn đáp án phù hợp vào chỗ trống.

11. 공항... 호텔...지하철을 탔어요.

A. 이/가

B. 예/이

C. 에서/까지

D. 으로/이

12. 왼쪽... 가세요.

A. 으로

B. 로

C. 이

D. 가

13. 교실... 들어가세요.

A. 이

B. 을

C. 를

D. 로

14. 어제 택시...집... 돌아왔어요.

A. 로/에

B. 로/이

C. 로/가

D. 로/을

15. 지하철...서점에 가요.

A. 로

B. 을

C. 으로

D. 를

[16-20] Hoàn thành câu dựa vào mẫu dưới đây.

보기 : 흥영/학교/자전거

=> 흥영은 자전거로 학교에 가요.

16. 꼬영/서점/버스

=>

17. 란/우체국/지하철

=>

18. 민수/고향/기차

=>

19. 미나/도서관/택시

=>

20. 화/공원/자동차

=>

[21-25] Hãy đọc đoạn văn dưới đây và chọn (O) nếu đúng, chọn (X) nếu khác với nội dung.

하이 씨, 우리 집에 오세요. 학교 앞에서 쭉 가세요. 영화관이 나와요. 영화관에서 오른쪽으로 가세요. 서점이 나와요. 서점 앞에 커피숍이 있어요. 우리 집은 커피숍 옆에 있어요.

21. 하이 씨 집은 영화관 앞에 있어요. (O , X)

22. 서점 앞에는 커피숍에 없어요. (O , X)

23. 하이 씨 집은 서점 옆에 있어요. (O , X)

24. 하이 씨 집은 커피숍 옆에 있어요. (O , X)

25. 학교 앞에서 쭉 가면 영화관이 나와요. (O , X)

[26-30] Dựa vào các câu hỏi dưới đây, em hãy viết về mùa mà em yêu thích.

26. 어떤 계절을 좋아해요?

27. 그 계절을 왜 좋아해요?

28. 날씨가 어때요?

29. 그 계절에 무엇을 해요?

30. 메모한 것을 바탕으로 글을 쓰세요.